

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15/05/2025

V/v: ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 325/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lăng Thị T, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Ninh Khánh, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: TDP QB, phường QC, thị xã VY, tỉnh BG; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố NK, phường N, thị xã VY, tỉnh BG; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lăng Thị T trình bày: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại UBND thị trấn Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về tại gia đình anh H sinh sống và làm ăn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến tháng 7 năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng do

vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống hàng ngày, cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, gia đình hai bên có hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và anh H ly thân từ tháng 7 năm 2024 đến nay, nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên đề nghị ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Đỗ Quốc Đ, sinh ngày 12/10/2018, hiện đang ở với chị; sau khi ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; công nợ, công sức đóng góp, ruộng đất canh tác: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Văn H trình bày: Anh có kết hôn cùng chị Hoài năm 2018 có đăng ký tại UBND thị trấn Nénh. Sau khi cưới chị Hoài về nhà anh sinh sống và làm ăn ngay, vợ chồng chung hòa thuận, bình thường. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thi thoảng xảy ra mâu thuẫn nhỏ, chị T đã bỏ ra ngoài ở trọ ly thân từ tháng 7/2024 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Đỗ Quốc Đ, sinh ngày 12/10/2018, sau khi ly hôn anh xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; công nợ, công sức đóng góp, ruộng đất canh tác: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử : Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lăng Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn H; về con chung: Giao cho chị Lăng Thị T được nuôi con chung là Đỗ Quốc Đ, sinh ngày 12/10/2018; về án phí: Chị Lăng Thị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, chị Lăng Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn H. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp huyện nơi bị đơn cư trú giải quyết là đúng theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; chị T có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T, anh H

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Căn cứ Điều 51, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý, giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con chung*”.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh H kết hôn vào ngày 30/7/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) và tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nên xác định hôn nhân giữa chị T, anh H là hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và xác minh tại địa phương xác định quá trình chung sống, chị T, anh H đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không còn niềm tin ở nhau, mặc dù đã hòa giải, hàn gắn nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung, hiện hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Do đó, có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Chị T, anh H có 01 con chung Đỗ Quốc Đ, sinh ngày 12/10/2018 hiện nay đang ở với chị T, chị T, anh H cùng có nguyện vọng nuôi con; Nguyện vọng về nuôi con của chị T, anh H là chính đáng thể hiện quyền và nghĩa vụ của người làm cha mẹ đối với con cái, xét về điều kiện nuôi con cả chị T, anh H đều có điều kiện về nuôi con tuy nhiên hiện nay cháu Quốc Đạt ở với chị T từ nhỏ, về điều kiện nuôi con hiện chị làm công nhân công ty TNHH Si Flex Việt Nam thu nhập trung bình 13.000.000đ/tháng do vậy để ổn định tâm lý tránh sự xáo trộn không cần thiết cho các cháu nên cần giao cháu Đạt cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu do vậy không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung, vay nợ: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lăng Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn H

2. Về con chung: Giao cho chị Lăng Thị T được nuôi con chung là Đỗ Quốc Đ, sinh ngày 12/10/2018.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lăng Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001332 ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thị xã Việt Yên;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND phường Quang Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện

